

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thụy	Ủy viên	
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên	
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	
Ông Phạm Trọng Bình	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 20/04/2010)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04/08/2010)
Ông Vũ Xuân Thụy	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04/08/2010)
Ông Vũ Xuân Thụy	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 10/03/2011)
Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 10/03/2011)
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng giám đốc	
Bà Mai Thị Thanh Yên	Phó Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 20/09/2010)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng ban
Bà Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên
Bà Vũ Thị Hiến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TS. Vũ Dương Hiền

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011

Vũ Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 22 tháng 03 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.379.616.838	87.096.788.752
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3.674.740.136	3.060.130.939
111	1. Tiền	3	3.674.740.136	3.060.130.939
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	50.231.326.053	39.705.840.053
121	1. Đầu tư ngắn hạn		50.648.641.895	41.824.478.053
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(417.315.842)	(2.118.638.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.088.849.270	30.033.940.975
131	1. Phải thu của khách hàng		3.732.582.972	3.090.226.042
132	2. Trả trước cho người bán		4.783.705.511	5.950.697.121
135	3. Các khoản phải thu khác	5	60.812.724.221	20.993.017.812
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.240.163.434)	-
140	IV. Hàng tồn kho		5.232.304.660	11.809.595.201
141	1. Hàng tồn kho	6	5.232.304.660	11.809.595.201
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.152.396.719	2.487.281.584
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	1.494.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		870.542.339	1.326.369.682
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.942.478	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.274.416.926	1.159.416.926
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		451.006.830.421	468.630.279.496
220	II. Tài sản cố định		57.994.829.516	40.882.403.627
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	570.450.745	200.000.000
222	- Nguyên giá		690.904.545	200.000.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(120.453.800)	-
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	57.424.378.771	40.682.403.627
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	392.296.466.360	410.432.759.930
251	1. Đầu tư vào công ty con		321.918.236.187	365.168.236.187
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		67.605.005.000	56.355.005.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		25.624.251.523	25.624.251.523
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(22.851.026.350)	(36.714.732.780)
260	V. Tài sản dài hạn khác		715.534.545	17.315.115.939
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	715.534.545	17.315.115.939
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		580.386.447.259	555.727.068.248

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		99.894.711.612	130.817.515.417
310	I. Nợ ngắn hạn		95.494.205.317	128.025.490.412
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	10.483.355.890	11.903.223.848
312	2. Phải trả người bán		1.587.100.614	1.277.568.547
313	3. Người mua trả tiền trước		1.459.574.621	2.129.328.333
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.063.648.856	781.370.728
315	5. Phải trả người lao động		148.236.838	171.000
316	6. Chi phí phải trả	14	1.448.559.495	194.193.548
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	80.270.128.971	95.156.325.060
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	17.410.709.316
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(966.399.968)	(827.399.968)
330	II. Nợ dài hạn		4.400.506.295	2.792.025.005
334	1. Vay và nợ dài hạn		-	2.395.123.500
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		396.901.505	396.901.505
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		4.003.604.790	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		480.491.735.647	424.909.552.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	480.491.735.647	424.909.552.831
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		186.516.780.000	186.516.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		247.782.548.671	247.782.548.671
414	2. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(134.564.614)	(545.604.588)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.098.119.926	(53.073.022.916)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		580.386.447.259	555.727.068.248

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	5.700.255.183	61.080.906.863
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		49.087.039	178.448.647
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.651.168.144	60.902.458.216
11	4. Giá vốn hàng bán	18	6.567.997.940	60.763.896.138
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(916.829.796)	138.562.078
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	24.025.186.373	4.041.597.187
22	7. Chi phí tài chính	20	(27.067.524.317)	(29.293.321.827)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.720.242.071	3.043.151.291
24	8. Chi phí bán hàng		-	415.162.406
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.805.505.895	8.324.908.857
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		44.370.374.999	24.733.409.829
31	11. Thu nhập khác		11.588.020.923	908.792.993
32	12. Chi phí khác		787.253.080	670.036.539
40	13. Lợi nhuận khác		10.800.767.843	238.756.454
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.171.142.842	24.972.166.283
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		55.171.142.842	24.972.166.283

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		55.171.142.842	24.972.166.283
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		120.453.800	1.907.799.664
03	Các khoản dự phòng		(31.735.574.470)	(44.913.149.939)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(70.621.500)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.775.831.818)	(2.319.978.850)
06	Chi phí lãi vay		2.720.242.071	3.043.151.291
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.500.432.425	(17.380.633.051)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.759.786.851)	15.306.423.785
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		6.577.290.541	55.628.550.220
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.653.468.978)	42.863.391.779
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		16.599.581.394	3.807.958.629
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.624.876.124)	(3.921.557.743)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(194.000.000)	(2.699.343.713)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.554.827.593)	93.604.789.906
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.232.879.689)	(19.844.808.671)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(12.000.000.000)	(14.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		3.175.836.158	18.800.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.000.000.000)	(60.134.115.965)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.807.173.842	16.391.020
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.823.257.963	2.319.978.850
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.573.388.274	(72.842.554.766)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		10.358.010.336	29.933.958.195
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.793.230.402)	(51.487.138.913)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.435.220.066)	(21.553.180.718)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		583.340.615	(790.945.578)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		3.060.130.939	3.882.870.589
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		31.268.582	(31.794.072)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.674.740.136	3.060.130.939

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 500.002.510.000 VND. Tương đương 50.000.251 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- CN Công ty Cổ phần Hapaco tại Hà Nội	Số 462 Minh Khai - Hà Nội
- Nhà máy giấy Hải Phòng	Xã Đại Bản, huyện An Dương, Hải Phòng

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần HAP - REE	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	Hà Nội
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: in giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là 500.002.510.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2010 thì Vốn đầu tư của Chủ sở hữu mới thực góp là 186.516.780.000 đồng.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	36.117.329	120.428.341
Tiền gửi ngân hàng	3.638.622.807	2.939.702.598
	3.674.740.136	3.060.130.939

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	967.363.842	4.143.200.000
Đầu tư ngắn hạn khác	49.681.278.053	37.681.278.053
- Cho Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán HP vay	16.327.500.000	30.327.500.000
- Cho cá nhân vay vốn	26.000.000.000	-
- Cho Công ty CP TMDV Hải Phòng vay	7.353.778.053	7.353.778.053
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(417.315.842)	(2.118.638.000)
	50.231.326.053	39.705.840.053

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	42.497.508
Phải thu thuế TNCN	358.996.925	-
Phải thu khác	60.453.727.296	20.950.520.304
- Phải thu về cổ tức phải thu	2.000.000.000	-
- Công ty điện máy Hải Phòng	4.575.185.099	5.075.185.099
- Công ty Cổ phần TM và DV Hải Phòng	2.153.489.564	1.390.611.759
- Công ty Cổ phần Dệt may Hải Phòng	12.682.504.970	-
- Phụ cấp phải thu Hội đồng quản trị	3.911.051.300	3.129.446.300
- Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	1.715.706.000	-
- Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Hải Hà	1.200.000.000	-
- Lãi vay phải thu Công ty Quản lý quỹ	2.638.988.013	-
- Phải thu Công ty XNK XD Bạch Đằng	6.321.146.064	-
- Phải thu Công nợ cá nhân	19.346.329.432	9.671.329.432
- Các khoản phải thu khác	3.909.326.854	1.683.947.714
	60.812.724.221	20.993.017.812

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng hoá	5.232.304.660	11.809.595.201
	5.232.304.660	11.809.595.201

Theo Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn thì giá trị hàng hóa là lô thép sử dụng cho Khu Công nghiệp Hải Phòng đã được thỏa thuận xuất sử dụng cho khách hàng theo giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010 nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	296.309.323	236.309.323
Tài sản thiếu chờ xử lý ^(*)	649.631.319	649.631.319
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	328.476.284	273.476.284
	1.274.416.926	1.159.416.926

^(*) Tính tới thời điểm 31/12/2010, Tập đoàn chưa có quyết định về việc xử lý chênh lệch sổ kế toán khi bàn giao sang Công ty con - Công ty TNHH HAPACO Phương Đông.

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	200.000.000	200.000.000
Số tăng trong năm	490.904.545	-	490.904.545
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	490.904.545	200.000.000	690.904.545
Giá trị đã hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	80.453.800	40.000.000	120.453.800
- Trích khấu hao	80.453.800	40.000.000	120.453.800
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	80.453.800	40.000.000	120.453.800
Giá trị còn lại			
Đầu năm	-	200.000.000	200.000.000
Cuối năm	410.450.745	160.000.000	570.450.745

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	57.424.378.771	40.682.403.627
- Dự án Nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ	15.267.268.061	15.267.268.061
- Dự án Nhà máy giấy Hải Hà	3.116.844.595	3.116.844.595
- Dự án khu công nghiệp Tràng Cát	5.065.782.919	5.050.782.919
- Dự án Bệnh viện phụ sản	33.862.763.196	17.135.788.052
- Dự án điện Phiêng Côn	100.000.000	100.000.000
- Các dự án khác (Công ty CP HAP-REE)	11.720.000	11.720.000
	57.424.378.771	40.682.403.627

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	321.918.236.187	365.168.236.187
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	6.774.500.000	6.774.500.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	10.541.656.000	10.541.656.000
- Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	-	22.250.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	-	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	24.462.914.000	24.462.914.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	5.523.855.039	5.523.855.039
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	10.984.455.931	10.984.455.931
- Công ty Cổ phần H.P.P	155.630.855.217	155.630.855.217
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	67.605.005.000	56.355.005.000
- Công ty Cổ phần HAP-REE	1.470.000.000	1.470.000.000
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng	57.885.005.000	54.885.005.000
- Công ty CP quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	8.250.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	25.624.251.523	25.624.251.523
- Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
- Công ty Đông được Tiên Sa	2.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(22.851.026.350)	(36.714.732.780)
	392.296.466.360	410.432.759.930

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Hải Phòng	52,54%	0,00%	Sản xuất giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Yên Bái	86,65%	0,00%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ
Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng, sản xuất bột giấy
Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần HAP-REE	Hải Phòng	49,00%	49,00%	Xây dựng; KD máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	Khai thác cát, đá, sỏi; xăng dầu, KS
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	33,00%	33,00%	Quản lý, đầu tư chứng khoán

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Giá trị lợi thế khi mua Công ty Dệt HP (*)	-	17.315.115.939
Chi phí thuê văn phòng	715.534.545	-
	715.534.545	17.315.115.939

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.955.933.890	2.246.329.848
- Vay ngân hàng	-	2.246.329.848
- Vay cá nhân	7.955.933.890	-
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	2.527.422.000	9.656.894.000
	10.483.355.890	11.903.223.848

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	423.404.470	423.404.470
Thuế Thu nhập cá nhân	421.041.063	30.090.000
Các loại thuế khác	219.203.323	327.876.258
	1.063.648.856	781.370.728

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.109.559.495	14.193.548
Trích trước chi phí kiểm toán	339.000.000	180.000.000
	1.448.559.495	194.193.548

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	29.311.441	25.086.619
Phải trả, phải nộp khác	80.240.817.530	95.131.238.441
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	13.632.539.478	17.685.200.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	-	14.863.697.930
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	13.592.615.888	17.972.516.307
- Công ty TNHH Đầu tư Tài Chính Hapaco	13.328.539.943	14.938.859.914
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	13.217.960.362	12.771.164.476
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	314.296.400	1.300.000.000
- Công ty Cổ phần H.P.P	13.475.114.765	2.581.239.602
- Công ty XNK và XD Bạch Đằng	-	817.093.500
- Tổng Công ty XNK Bạch Đằng	469.808.382	-
- Phải trả Công ty CP H.P.P do bàn giao Nhà máy giấy	11.556.904.488	11.556.904.488
- Phải trả khác của Chi nhánh Hapaco tại Hà Nội	644.562.224	644.562.224
- Phải trả phải nộp khác	8.475.600	-
	80.270.128.971	95.156.325.060

16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	169.718.410.000	264.580.918.671	(4.570.790.000)	-	44.271.598.932	4.528.042.732	(78.045.502.105)	400.482.678.230
Tăng vốn trong năm	16.798.370.000	-	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	24.972.166.283	24.972.166.283
Tăng khác	-	-	-	(545.604.588)	-	-	312.906	(545.291.682)
Giảm vốn trong năm	-	(16.798.370.000)	-	-	-	-	-	(16.798.370.000)
Số dư đầu năm	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	(545.604.588)	44.271.598.932	4.528.042.732	(53.073.022.916)	424.909.552.831
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	55.171.142.842	55.171.142.842
Tăng khác	-	-	-	411.039.974	-	-	-	411.039.974
Số dư cuối năm này	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	(134.564.614)	44.271.598.932	4.528.042.732	2.098.119.926	480.491.735.647

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	186.516.780.000	186.516.780.000
- Vốn góp đầu năm	186.516.780.000	169.718.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	16.798.370.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối năm	186.516.780.000	186.516.780.000

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.651.678	18.651.678
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.651.678	18.651.678
- Cổ phiếu phổ thông	18.651.678	18.651.678
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.496.208	18.496.208
- Cổ phiếu phổ thông	18.496.208	18.496.208
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732
	48.799.641.664	48.799.641.664

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.700.255.183	61.080.906.863
	5.700.255.183	61.080.906.863

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.567.997.940	60.763.896.138
	6.567.997.940	60.763.896.138

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.444.377.631	571.874.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.524.280.345	1.748.104.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	810.198.549	1.650.996.837
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	70.621.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	246.329.848	-
	24.025.186.373	4.041.597.187

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.720.242.071	3.043.151.291
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.192.826.158	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	992.961.579	1.083.143.716
Dự phòng các khoản đầu tư	(32.975.737.904)	(33.419.616.834)
Chi phí tài chính khác	2.183.779	-
	(27.067.524.317)	(29.293.321.827)

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.171.142.842
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(55.171.142.842)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(17.524.280.345)
- <i>Kết chuyển lỗ từ các năm trước</i>	(37.646.862.497)
Tổng lợi nhuận tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	423.404.470
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	423.404.470

22 . THÔNG TIN KHÁC

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO số 10052010 ngày 10/05/2010 thì Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO (HAPATEX) cho Ông Nguyễn Đức Hậu, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 30/04/2010.

Theo Quyết định 62/UBCK-GPĐC ngày 01/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, Vốn điều lệ của Công ty là 25 tỷ đồng. Tập đoàn thực hiện điều chỉnh tỷ lệ đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng giảm xuống 33% nên không đủ điều kiện là Công ty con của Tập đoàn từ năm 2010.

Công ty chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính năm 2009 của Tập đoàn. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn được miễn giảm từ năm 1999 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn chưa thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 thì Vốn điều lệ của Công ty là 500.002.510.000 đồng. Tuy nhiên tính tới thời điểm 31/12/2010, Vốn đầu tư của Chủ sở hữu mới thực góp là 186.516.780.000 đồng.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dục Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ) và cho Công ty này vay 9,73 tỷ đồng. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dục Tiên Sa trong năm 2011.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010
		VND
Doanh thu		
<i>Phí thương hiệu</i>		
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Công ty con	401.934.200
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Công ty con	276.340.154
- Công ty Cổ phần Hapaco HPP	Công ty con	731.286.602
- Công ty Hapaco Phương Đông	Công ty con	634.766.176
<i>Phí thuê đất</i>		
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Công ty con	327.375.000
- Công ty Hapaco Phương Đông	Công ty con	702.262.500
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>		
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Công ty con	2.032.350.000
- Công ty Hapaco Phương Đông	Công ty con	8.787.564.745
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Công ty con	3.431.412.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Công ty con	1.436.203.600
- Công ty Thương mại dịch vụ HP	Công ty con	735.377.805

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2010

Phải thu	Mối quan hệ	31/12/2010
		VND
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Công ty con	314.296.400
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Công ty con	1.812.785.547
- Công ty Cổ phần Hapaco HPP	Công ty con	1.435.644.323
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	2.153.489.564
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Hà	Công ty con	1.200.000.000
- Ông Vũ Dương Hiền ⁽¹⁾	Chủ tịch HĐQT	28.000.000.000
- Ông Nguyễn Đức Hậu ⁽²⁾	Thành viên HĐQT	9.675.000.000

⁽¹⁾ Theo Quyết định 62/UBCK-GPDC ngày 01/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, Vốn điều lệ của Công ty là 25 tỷ đồng. Vì vậy, Tập đoàn chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu tăng thêm là 1.400.000 cổ phiếu cho ông Vũ Dương Hiền, Chủ tịch Tập đoàn mua. Vì vậy, tỷ lệ đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng giảm xuống 33% nên không đủ điều kiện là Công ty con của Tập đoàn từ năm 2010. Ông Vũ Dương Hiền có khoản vay vốn theo Hợp đồng vay số 28.12/HAP-HĐVV ngày 28/12/2009 số tiền là 14 tỷ và Hợp đồng vay số 01.07/HAP-HĐVV ngày 01/07/2010 với số tiền là 12 tỷ. Khoản lãi vay phải thu tính tới thời điểm 31/12/2010 của hai hợp đồng vay vốn nêu trên là 2 tỷ đồng.

⁽²⁾ Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO số 10052010 ngày 10/05/2010 cho Ông Nguyễn Đức Hậu, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc thì Tập đoàn thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 2.100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dệt may HAPACO kể từ ngày 30/04/2010, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần tương đương 21 tỷ đồng, đã trả là 12 tỷ đồng và công nợ phải trả sẽ trả dần đến hết ngày 31/12/2011.

Phải trả	Mối quan hệ	31/12/2010
		VND
- Công ty Cổ phần Hapaco HPP	Công ty con	25.028.796.975
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Công ty con	13.217.960.362
- Công ty Hapaco Phương Đông	Công ty con	6.127.963.122
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	7.353.778.053
- Công ty Đầu tư tài chính Hapaco	Công ty con	13.328.539.943
- Ông Vũ Dương Hiền ⁽³⁾	Chủ tịch HĐQT	7.955.933.890

⁽³⁾ Đây là khoản Tập đoàn vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trong năm, một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại theo hướng dẫn tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, cụ thể từ ngày 01/01/2010 Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày trong mục Nợ ngắn hạn thay vì trình bày trong mục Vốn chủ sở hữu.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên</u>
		VND	báo cáo năm trước
			VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	128.025.490.412	128.852.890.380
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(827.399.968)	-
Vốn chủ sở hữu	400	424.909.552.831	424.082.152.863

Trương Bá Minh
Kế toán trưởng

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 22 tháng 03 năm 2011